

Số: /2026/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định hoạt động đầu tư kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phục vụ nhu cầu của người cao tuổi và hỗ trợ, khuyến khích sử dụng lao động là người cao tuổi, gắn với phát triển đô thị bền vững, an sinh xã hội, chăm sóc sức khỏe, đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hà Nội

(Thực hiện điểm a khoản 2 Điều 27 Luật Thủ đô)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủ đô số 02/2026/QH16;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Người cao tuổi số 39/2009/QH12;

Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14;

Căn cứ Luật Đầu tư số 143/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 144/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân;

Căn cứ Chương trình số 06-Ctr/TU ngày 12/01/2026 của Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 72/NQ-TW ngày 9/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân;

Xét Tờ trình số ... /TTr-UBND ngày ... tháng .. năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố; Báo cáo tiếp thu, giải trình của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;

ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Nghị quyết Quy định hoạt động đầu tư kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phục vụ nhu cầu của người cao tuổi và hỗ trợ, khuyến khích sử dụng lao động là người cao tuổi, gắn với phát triển đô thị bền vững, an sinh xã hội, chăm sóc sức khỏe, đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hà Nội

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về hoạt động đầu tư kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phục vụ nhu cầu của người cao tuổi và hỗ trợ, khuyến khích sử dụng lao động là người cao tuổi, gắn với phát triển đô thị bền vững, an sinh xã hội, chăm sóc sức khỏe, đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hà Nội

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm

a) Tổ chức thực hiện Nghị quyết này. Trong quá trình thực hiện Nghị quyết, nếu vướng mắc, cần sửa đổi, bổ sung. Ủy ban nhân dân Thành phố kịp thời báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố để giải quyết theo thẩm quyền;

b) Chỉ đạo triển khai trách nhiệm kiểm tra, giám sát và trách nhiệm giám sát khi thi hành.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thành phố Hà Nội tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

4. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, người tham gia xây dựng, tham mưu tổ chức thực hiện Nghị quyết này được xem xét áp dụng cơ chế bảo vệ, khuyến khích đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật khi đã tuân thủ đầy đủ quy trình, quy định liên quan, không vụ lợi và thực hiện nhiệm vụ vì lợi ích chung.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVI, Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Ủy Ban công tác đại biểu của Quốc hội;
- Các Bộ: Nội vụ, Y tế, Tài chính, Tư pháp;
- Cục KTVB&QLXLVPHC-Bộ tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Các Ban Đảng Thành ủy;
- Thường trực: HĐND, UBND, UBMTTQ VN Thành phố;
- Đoàn đại biểu Quốc hội Hà Nội;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các Ban của HĐND Thành phố;
- Các VP: Thành ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND; UBND TP;
- Các Sở, ban, ngành Thành phố;
- TT HĐND, UBND các phường, xã;
- Trang TTĐT của Đoàn ĐBQH và HĐND TP;
- Trung tâm truyền thông dữ liệu và công nghệ số TP;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Phùng Thị Hồng Hà

QUY ĐỊNH

Về hoạt động đầu tư kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phục vụ nhu cầu của người cao tuổi và hỗ trợ, khuyến khích sử dụng lao động là người cao tuổi, gắn với phát triển đô thị bền vững, an sinh xã hội, chăm sóc sức khỏe, đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hà Nội

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày .../.../2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về nguyên tắc, mô hình tổ chức, cơ chế quản lý, tiêu chuẩn vận hành, cơ chế cấp phép, hậu kiểm, phối hợp liên ngành, huy động nguồn lực, chuyển đổi số, kiểm soát tác động tiêu cực và đánh giá hiệu quả đối với hoạt động đầu tư kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phục vụ nhu cầu của người cao tuổi và hoạt động hỗ trợ, khuyến khích sử dụng lao động là người cao tuổi.

2. Quy định này áp dụng đối với điểm, tổ hợp, cơ sở, dự án, sản phẩm, dịch vụ, mô hình việc làm và hoạt động kinh tế được tổ chức, vận hành nhằm đáp ứng nhu cầu đặc thù và phát huy năng lực của người cao tuổi, bao gồm: y tế, điều dưỡng, chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng, bất động sản dưỡng lão an toàn; nghiên cứu, ứng dụng và sản xuất các sản phẩm công nghệ hỗ trợ, giải pháp đổi mới sáng tạo dành cho người cao tuổi; thương mại, dịch vụ, du lịch nghỉ dưỡng, văn hóa, nghệ thuật, thể thao lão khoa; các trung tâm hướng nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, mạng lưới kết nối cung - cầu lao động sử dụng hoặc hỗ trợ người cao tuổi tham gia thị trường lao động và các hình thức kinh doanh hợp pháp khác.

3. Quy định này không thay thế các quy định chuyên ngành hiện hành, nhưng đóng vai trò là khung điều phối tổng hợp nhằm bảo đảm các hoạt động đầu tư kinh doanh và sử dụng lao động người cao tuổi được quản lý thống nhất, minh bạch, an toàn, nhân văn; góp phần tối ưu hóa công tác chăm sóc sức khỏe, bảo đảm an sinh xã hội toàn diện, thúc đẩy hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, gắn với định hướng phát triển đô thị bền vững và phát triển kinh tế - xã hội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan chuyên môn và Ủy ban nhân dân các cấp trong việc thực hiện chức năng quản lý, quy hoạch, cấp phép, hậu kiểm, phối hợp liên ngành, tổ chức chuyển đổi số, kiểm soát tác động tiêu cực và đánh giá hiệu quả dòng vốn đầu tư, chính sách an sinh xã hội đối với người cao tuổi.

2. Các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong và ngoài nước thực hiện hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh, cung ứng sản phẩm, dịch vụ đặc thù phục vụ nhu cầu của người cao tuổi; các chủ đầu tư dự án bất động sản dưỡng lão, đô thị bền vững; các tổ chức nghiên cứu và doanh nghiệp đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực công nghệ hỗ trợ người cao tuổi.

3. Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã và người sử dụng lao động thuộc mọi thành phần kinh tế có hoạt động tuyển dụng, đào tạo, hướng nghiệp, bố trí việc làm, thực hiện các chính sách hỗ trợ, bảo trợ và khuyến khích sử dụng lao động là người cao tuổi.

4. Người cao tuổi tham gia vào các quan hệ kinh tế - xã hội với tư cách là người tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ; người lao động, chuyên gia, cố vấn đóng góp năng lực cho xã hội; người thụ hưởng các chính sách an sinh xã hội, chăm sóc sức khỏe và các mô hình đổi mới sáng tạo trong phạm vi quy định này.

5. Các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, hội người cao tuổi, cộng đồng dân cư và các bên liên quan tham gia vào hoạt động giám sát, phản biện xã hội, huy động nguồn lực xã hội hóa hoặc phối hợp triển khai các chương trình chăm sóc, phát huy vai trò người cao tuổi gắn với phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Dịch vụ phục vụ người cao tuổi là các hoạt động chăm sóc sức khỏe, chăm sóc dài hạn, phục hồi chức năng, hỗ trợ sinh hoạt, chăm sóc tinh thần và các dịch vụ phù hợp nhu cầu của người cao tuổi.

2. Chăm sóc dài hạn là hoạt động hỗ trợ người cao tuổi bị suy giảm khả năng tự chăm sóc trong sinh hoạt hằng ngày.

3. Cơ sở chăm sóc người cao tuổi bao gồm cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở dưỡng lão, trung tâm chăm sóc ban ngày và các mô hình chăm sóc người cao tuổi theo quy định pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động và quản lý

Hoạt động đầu tư kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phục vụ người cao tuổi và hỗ trợ, khuyến khích sử dụng lao động là người cao tuổi được thực hiện dựa trên các nguyên tắc chủ đạo sau đây:

1. Nguyên tắc lấy người cao tuổi làm trung tâm và bảo đảm an sinh xã hội

2. Tôn trọng và nhân văn: Mọi hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh phải đặt quyền lợi, sự an toàn, danh dự và sức khỏe (thể chất lẫn tinh thần) của người cao tuổi lên hàng đầu. Sản phẩm và dịch vụ không chỉ hướng tới mục tiêu lợi nhuận mà phải đóng góp thiết thực vào lưới an sinh xã hội.

3. Hòa lợi ích: Khuyến khích mô hình doanh nghiệp xã hội, cân bằng giữa lợi ích kinh tế của nhà đầu tư và khả năng tiếp cận tài chính của đại đa số người cao tuổi, tránh tình trạng thương mại hóa quá mức các dịch vụ cơ bản.

4. Nguyên tắc chủ động thích ứng và gắn với phát triển đô thị bền vững

- Đô thị thân thiện với người cao tuổi: Các dự án bất động sản, không gian công cộng, hạ tầng giao thông phải được thiết kế theo tiêu chuẩn "tiếp cận phổ quát" (không vật cản, an toàn, dễ di chuyển). Phát triển đô thị bền vững phải quy hoạch sẵn không gian cho các cơ sở dưỡng lão, trung tâm sinh hoạt cộng đồng tương ứng với tốc độ già hóa dân số.

- Phân vùng hợp lý: Bố trí các tổ hợp dịch vụ cho người cao tuổi tại các vị trí thuận tiện giao thông, gần các mảng xanh tự nhiên (công viên, hồ nước) nhưng không tách rời khỏi hệ thống y tế cốt lõi của thành phố.

3. Nguyên tắc lấy y tế và chăm sóc sức khỏe toàn diện làm nền tảng

- Tiêu chuẩn chất lượng khắt khe: Dịch vụ chăm sóc sức khỏe và điều dưỡng bắt buộc phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy chuẩn kỹ thuật y tế. Nhân sự tham gia vận hành phải có chuyên môn sâu về tâm sinh lý lão khoa.

- Chăm sóc chủ động: Chuyển đổi trọng tâm từ "chữa bệnh" sang "phòng bệnh", "phục hồi chức năng" và "chăm sóc giảm nhẹ", giúp người cao tuổi duy trì cuộc sống độc lập lâu nhất có thể.

4. Nguyên tắc dựa trên đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Thúc đẩy "Kinh tế bạc" thông minh: Khuyến khích các doanh nghiệp khởi nghiệp, nghiên cứu và ứng dụng công nghệ hiện đại (thiết bị đeo thông minh) vào việc theo dõi sức khỏe, hỗ trợ sinh hoạt và kết nối xã hội cho người già.

- Chuyên đổi số trong quản lý: Số hóa dữ liệu quản lý các cơ sở dưỡng lão, dịch vụ chăm sóc tại nhà để cơ quan nhà nước dễ dàng giám sát chất lượng; đồng thời đơn giản hóa các thủ tục hành chính, quy trình cấp phép cho nhà đầu tư thông qua công nghệ.

5. Nguyên tắc phát huy vai trò và đồng hành cùng lao động là người cao tuổi

- Già hóa chủ động: Khuyến khích doanh nghiệp thiết kế các vị trí việc làm linh hoạt (bán thời gian, cố vấn, làm việc từ xa) phù hợp với sức khỏe của người cao tuổi. Xem người cao tuổi là "nguồn lực trí tuệ và kinh nghiệm" quý giá cho nền kinh tế, chứ không phải là gánh nặng.

- An toàn và Không phân biệt đối xử: Bảo đảm môi trường làm việc an toàn, chế độ đãi ngộ công bằng, không phân biệt tuổi tác; đồng thời có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp về thuế hoặc chi phí đào tạo khi họ sử dụng nhiều lao động lớn tuổi.

6. Nguyên tắc quản lý nhà nước thống nhất, minh bạch, lấy hậu kiểm làm trọng tâm

- Khung pháp lý thông thoáng nhưng chặt chẽ: Cắt giảm tối đa các thủ tục tiền kiểm (trước khi kinh doanh) gây phiền hà cho nhà đầu tư. Thay vào đó, thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát định kỳ và đột xuất (hậu kiểm) một cách nghiêm túc để bảo vệ nhóm đối tượng yếu thế.

- Phối hợp liên ngành: Quản lý hoạt động này không tách rời từng bộ ngành, mà đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các cơ quan: Y tế (chất lượng chăm sóc), Lao động (việc làm, an sinh), Xây dựng (hạ tầng đô thị) và Kế hoạch & Đầu tư (chính sách ưu đãi).

Chương II

CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ

Điều 5. Chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư kinh doanh sản phẩm, dịch vụ người cao tuổi

1. Chính sách tiếp cận đất đai và hạ tầng

a) Nhà nước ưu tiên bố trí quỹ đất sạch trong quy hoạch đô thị để thu hút các dự án đầu tư tổ hợp dưỡng lão, trung tâm y tế lão khoa và nhà máy sản xuất thiết bị hỗ trợ người cao tuổi.

b) Miễn hoặc giảm từ 20% đến 100% tiền thuê đất, tiền sử dụng đất đối với các dự án đầu tư thuộc danh mục xã hội hóa chăm sóc người cao tuổi, tùy thuộc vào quy mô và địa bàn đầu tư.

2. Chính sách ưu đãi tài chính và thuế:

a) Áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động đối với thu nhập của doanh nghiệp từ việc cung ứng dịch vụ chăm sóc sức khỏe, giáo dục, văn hóa dành riêng cho người cao tuổi.

b) Miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu, linh kiện, dây chuyền công nghệ và trang thiết bị y tế chuyên dụng phục vụ người cao tuổi mà trong nước chưa sản xuất được.

3. Hỗ trợ tiếp cận nguồn vốn:

Doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực này được vay vốn ưu đãi từ Quỹ đầu tư phát triển địa phương hoặc được ngân sách nhà nước hỗ trợ cấp bù lãi suất (từ 2% đến 3%/năm) đối với khoản vay dài hạn tại các ngân hàng thương mại để xây dựng cơ sở hạ tầng.

Điều 6. Chính sách hỗ trợ, khuyến khích sử dụng lao động là người cao tuổi

1. Ưu đãi tài chính cho người sử dụng lao động

a) Doanh nghiệp sử dụng từ 15% đến dưới 25% lao động là người cao tuổi được giảm 10% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm; doanh nghiệp sử dụng từ 25% lao động là người cao tuổi trở lên được giảm 20%.

b) Khấu trừ bổ sung (bằng 150% chi phí thực tế) vào chi phí hợp lý khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các khoản chi: cải tạo nhà xưởng, mua sắm thiết bị công thái học hỗ trợ lao động lớn tuổi, chi phí khám sức khỏe định kỳ chuyên sâu và đóng bảo hiểm tai nạn lao động đặc thù.

2. Hỗ trợ đào tạo và chuyển đổi kỹ năng

a) Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 70% chi phí cho các khóa đào tạo lại, chuyển đổi kỹ năng, đặc biệt là kỹ năng số và vận hành công nghệ, giúp lao động là người cao tuổi thích ứng với môi trường làm việc hiện đại.

b) Hỗ trợ kinh phí cho các trung tâm hướng nghiệp, tổ chức xã hội thành lập các mạng lưới kết nối cung - cầu lao động và sàn giao dịch việc làm chuyên biệt dành riêng cho người cao tuổi.

Điều 7. Cơ chế lồng ghép phát triển đô thị bền vững và an sinh xã hội

1. Tiêu chuẩn đô thị thân thiện và tiếp cận phổ quát

a) Các chủ đầu tư dự án khu đô thị mới bắt buộc phải lồng ghép chỉ tiêu "không gian công cộng không vật cản" và dành tối thiểu 5% diện tích đất xây dựng nhà ở để phát triển các căn hộ thích ứng (đáp ứng tiêu chuẩn xe lăn di chuyển, thanh vịn an toàn, cảm biến té ngã).

b) Khuyến khích đầu tư kinh doanh các mô hình "Nhà ở liên thế hệ" nhằm gắn kết người cao tuổi với thế hệ trẻ, bảo đảm cấu trúc gia đình bền vững trong lòng đô thị hiện đại.

2. Giải pháp an sinh xã hội tích hợp:

Phát triển hệ thống "Thẻ An sinh Công dân Bạc" dựa trên nền tảng dữ liệu dân cư quốc gia. Thẻ này tích hợp đồng bộ: hồ sơ sức khỏe điện tử, mã bảo hiểm y tế, tài khoản nhận trợ cấp hưu trí và ví điện tử thanh toán giảm giá khi sử dụng các dịch vụ giao thông công cộng, thương mại, du lịch.

Điều 8. Chính sách thúc đẩy đổi mới sáng tạo và phát triển chuỗi giá trị Kinh tế Bạc

1. Thúc đẩy công nghệ hỗ trợ

a) Ưu tiên xét duyệt tài trợ từ Quỹ Đổi mới sáng tạo quốc gia và các quỹ phát triển khoa học công nghệ cho các dự án nghiên cứu, chế tạo robot điều dưỡng, thiết bị y tế thông minh đeo trên người, phần mềm AI giám sát sức khỏe từ xa.

b) Miễn thuế giá trị gia tăng (VAT) đối với các sản phẩm công nghệ hỗ trợ và phần mềm chăm sóc sức khỏe người cao tuổi được nghiên cứu và sản xuất hoàn toàn tại Việt Nam.

2. Phát triển hệ sinh thái doanh nghiệp và chuỗi cung ứng:

a) Khuyến khích thành lập các vườn ươm khởi nghiệp chuyên biệt về "Kinh tế bạc", tạo không gian kết nối giữa các chuyên gia công nghệ trẻ với thế hệ chuyên gia cao tuổi (mô hình cố vấn liên thế hệ) để thương mại hóa các ý tưởng kinh doanh.

b) Hỗ trợ xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu quốc gia cho các chuỗi sản phẩm dịch vụ nội địa phục vụ lão khoa (như dược liệu bản địa, ẩm thực dưỡng sinh, du lịch nghỉ dưỡng kết hợp y tế) nhằm phục vụ nhu cầu trong nước và hướng tới xuất khẩu dịch vụ.

Điều 9. Hỗ trợ tiếp cận dịch vụ chăm sóc người cao tuổi

1. Người cao tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội được xem xét hỗ trợ chi phí sử dụng dịch vụ chăm sóc người cao tuổi.
2. Người cao tuổi cô đơn, không nơi nương tựa được ưu tiên tiếp cận dịch vụ chăm sóc cộng đồng và chăm sóc dài hạn.
3. Người cao tuổi thuộc diện khó khăn được ưu tiên tiếp cận dịch vụ chăm sóc tại cộng đồng.
4. Mức hỗ trợ thực hiện theo khả năng cân đối ngân sách Thành phố.

Điều 10. Hỗ trợ phát triển mô hình cộng đồng thân thiện người cao tuổi

1. Khuyến khích xã, phường xây dựng mô hình cộng đồng thân thiện người cao tuổi.
2. Khuyến khích phát triển câu lạc bộ chăm sóc sức khỏe, sinh hoạt văn hóa, thể dục thể thao cho người cao tuổi.
3. Thành phố xem xét hỗ trợ mô hình điểm phù hợp khả năng cân đối ngân sách.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm của UBND Thành phố

1. Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Ban hành kế hoạch, hướng dẫn và cơ chế thực hiện theo thẩm quyền.
3. Bố trí kinh phí thực hiện theo khả năng cân đối ngân sách.
4. Chỉ đạo các sở, ngành và UBND cấp xã tổ chức thực hiện.

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Y tế

1. Chủ trì tham mưu tổ chức thực hiện Nghị quyết.
2. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị, địa phương rà soát, tham mưu hoàn thiện cơ chế, chính sách về chăm sóc, bảo vệ và phát huy vai trò người cao tuổi; đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp phát triển dịch vụ chăm sóc sức khỏe, chăm sóc dài hạn, dịch vụ xã hội và các mô hình phục vụ người cao tuổi, bảo đảm thiết thực, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tiễn.
3. Chủ trì nhiệm vụ phát triển hệ sinh thái chăm sóc sức khỏe người cao tuổi theo hướng toàn diện, liên tục, lâu dài, bao gồm: chăm sóc sức khỏe ban đầu, chăm

sóc tại cộng đồng, chăm sóc dài hạn và lão khoa chuyên sâu; đồng thời nâng cao chất lượng mạng lưới y tế cơ sở, y tế dự phòng và hệ thống chăm sóc người cao tuổi; xây dựng, nhân rộng các mô hình chăm sóc phù hợp, hiệu quả.

4. Quản lý sức khỏe người cao tuổi; tổ chức khám sức khỏe định kỳ, lập hồ sơ theo dõi sức khỏe; tăng cường đào tạo, phát triển nguồn nhân lực y tế phục vụ chăm sóc người cao tuổi; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong quản lý và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

5. Theo dõi, tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện; định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố và Hội đồng nhân dân Thành phố.

Điều 13. Trách nhiệm của các sở, ngành

1. Sở Tài chính: Chủ trì tham mưu và đề xuất nội dung về nguồn kinh phí thực hiện, các chính sách ưu đãi về thuế, phí, lệ phí hoặc hỗ trợ từ ngân sách thành phố đối với các nội dung quy định tại nghị quyết này.

2. Sở Nội vụ: Chủ trì tham mưu và đề xuất nội dung về xây dựng chính sách, biện pháp, cơ chế hỗ trợ, chính sách khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức sử dụng lao động là người cao tuổi; các tiêu chí bảo đảm an sinh xã hội vùng Thủ đô.

3. Sở Công Thương: Chủ trì tham mưu và đề xuất nội dung về danh mục ngành, nghề, điều kiện đầu tư kinh doanh và cơ chế thu hút xã hội hóa đối với chuỗi sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ phục vụ nhu cầu người cao tuổi.

4. Sở Xây dựng: Chủ trì tham mưu và đề xuất nội dung thực hiện các chính sách hỗ trợ nhà ở phòng, tránh bão, lũ đối với hộ nghèo, cận nghèo, trong đó đặc biệt ưu tiên hộ nghèo, cận nghèo có người cao tuổi.

5. Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì tham mưu và đề xuất nội dung về việc tạo điều kiện để người cao tuổi tham gia đẩy mạnh chuyển đổi số, khởi nghiệp; thực hiện việc chủ trì đề tài, dự án nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo.

6. Sở Văn hóa và Thể thao: Chủ trì tham mưu và đề xuất nội dung việc thực hiện phát huy các thiết chế văn hóa hiện có nhằm chăm lo đời sống văn hóa, tinh thần; tổ chức các hoạt động thể dục, văn hóa, văn nghệ nhằm nâng cao sức khỏe thể chất, tinh thần cho người cao tuổi.

7. Sở Giáo dục và Đào tạo: Chủ trì tham mưu và đề xuất nội dung trình HĐND Thành phố ban hành chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho Nhóm lao động ưu tiên

8. Sở Du Lịch: Chủ trì tham mưu và đề xuất nội dung về phát triển mô hình du lịch nghỉ dưỡng liên quan đến người cao tuổi

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Hiệu lực thi hành

1. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết ban hành kèm theo Quy định này có hiệu lực thi hành.

2. Các Sở, ban, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân xã phường, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy định này

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung

1. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc có nội dung không còn phù hợp với thực tiễn, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Y tế hoặc cơ quan đầu mối để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét sửa đổi, bổ sung.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Quy định này phải dựa trên kết quả đánh giá bằng dữ liệu, ý kiến của cơ quan chuyên ngành, doanh nghiệp, cộng đồng cư dân và các chủ thể liên quan.